

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÁC TRƯỜNG HỢP CHƯA GỬI ĐƯỢC THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

| STT | Tên xã | Số tờ cũ | Số tờ mới | Số thửa | Diện tích (m2) | DT thu hồi | Loại đất | Họ và tên quản lý/sử dụng đất -TBTH | Địa chỉ | Thông tin GCN | Ngày cấp GCN | CCCD/CC |
|-----|-------------------------------|----------|-----------|---------|----------------|------------|----------|--|--|---------------|--------------|---|
| 1 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 2 | 29 | 33 | 629.6 | 1.2 | LUK | bà Nguyễn Thị Nền | Áp An Bình, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | BO077304 | 14/08/2013 | |
| 2 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 2 | 29 | 35 | 704.1 | 380.8 | LUK | bà Nguyễn Thị Nền | Áp An Bình, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | BO077305 | 14/08/2013 | |
| 3 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 2 | 29 | 36 | 1330.9 | 1330.9 | LUK | bà Nguyễn Thị Nền | Áp An Bình, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | BO077303 | 14/08/2013 | |
| 4 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 2 | 29 | 63 | 1876.1 | 96.3 | HNK | ông Huỳnh Thanh Hiếu | Áp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CV939837 | 22/06/2020 | 272308873 |
| 5 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 2 | 29 | 92 | 482.3 | 364.1 | CLN | chủ sử dụng đất | Áp Lộc Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | | | |
| 6 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 9 | 476.7 | 407.3 | ONT+CLN | bà Phạm Thị Tuyết | 144/25, tổ 10, Gò Dưa, KP3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). | BK755377 | 12/7/2012 | 024665954 21/3/2007 Tp. Hồ Chí Minh |
| 7 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 17 | 676.3 | 11.6 | HNK | ông Phan Hòa Bình | Áp Thanh Hóa, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CC712068 | 25/02/2016 | CMND số 271808764, ngày cấp 20/01/2013 |
| 8 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 198 | 565.4 | 5.4 | CLN | bà Trần Thị Kim Ngọc | Khu phố 3, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai. | ĐĐ167200 | 2/16/2022 | CMND số 271745248, ngày cấp 11/06/2008 |
| 9 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 202 | 510.4 | 354.1 | CLN | bà Nguyễn Thị Thanh Na, ông Nguyễn Văn Thương, bà Phan Thị Hiếu | Tổ 4, KP 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CS137596 | 12/6/2019 | CMND số 272938430 ngày cấp 26/08/2018 |
| 10 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 204 | 511.2 | 511.2 | CLN | bà Nguyễn Thị Hạnh, ông Vũ Văn Trọng, ông Nguyễn Nhân Mạnh, ông Lê Việt Hưng | Áp An Xá, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (cũ). | CS137862 | 12/6/2019 | 272592034 |
| 11 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 205 | 519.3 | 519.3 | CLN | bà Đào Thị Thủy, bà Vũ Thị Kim Dung và bà Nguyễn Thị Thủy Hằng | Khu phố 8A, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CS164894 | 4/6/2019 | CMND số 272259236, ngày cấp 08/06/2014 |
| 12 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 208 | 677.6 | 531.8 | CLN | ông Lê Sỹ Ký và bà Nguyễn Thị Oanh | Tổ 33, khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CS044111 | 12/6/2019 | CMND số 272358689 ; CMND số 271319953 |
| 13 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 211 | 543.6 | 543.6 | CLN | bà Võ Thị Thu Nga | 41C tổ 6, Khu phố 1, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CS355933 | 24/06/2019 | CMND số 215342744, ngày cấp 19/06/2010, |
| 14 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 212 | 566.3 | 566.3 | CLN | ông Nguyễn Văn Quân | 489, tổ 37, Khu phố 5A, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CS103558 | 16/05/2019 | CCCD số 030083015906 , ngày cấp 06/10/2022 |
| 15 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 6 | 33 | 213 | 1167.5 | 1167.5 | CLN | ông Nguyễn Xuân Dương, bà Nguyễn Thị Huyền, ông Nguyễn Trung Dương, bà Trần Thị Thanh Thủy, bà Phạm Thị Sinh, bà Trịnh Thị Thắm, bà Phạm Thị Thảo, ông Vũ Văn Thanh, bà Vũ Thị Hải Hương | 763/18A Kha Vạn Cân, tổ 26, Khu phố 2 phường Linh Tây, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). | CS796506 | 10/7/2019 | 025812564 19/5/2010 Công an thành phố Hồ Chí Minh |
| 16 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 12 | 693 | 61.1 | ONT+CLN | ông Nguyễn Viết Tuyên và bà Bùi Thị Phương Duyên | 95/2, Kp 6, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CI720892 | 2/8/2017 | CMND số 271067181; CMND số 271548480 |
| 17 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 22 | 425.7 | 118 | ONT+HNK | ông Nguyễn Văn Điền và bà Nguyễn Thị Xuân | Áp Lộc Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | CC706580 | 23/03/2016 | |
| 18 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 24 | 516.6 | 0.3 | ONT+HNK | ông Huỳnh Thái Sơn và bà Đặng Thị Bích | Áp Lộc Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | BO077416 | 9/11/2013 | 52049004805 |
| 19 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 72 | 222.6 | 221.8 | NTD | chủ sử dụng đất | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 20 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 77 | 431.6 | 8.9 | ONT+HNK | ông Phạm Đăng Thông | 504G3 C/cư Hùng Vương, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). | BO077454 | 14/08/2013 | 20280682 |
| 21 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 79 | 218.7 | 217.6 | NTD | chủ sử dụng đất | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 22 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 82 | 263.9 | 23.7 | ONT+CLN | hộ ông Trần Đồng | 758A Xa Lộ Hà Nội, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). | CD522774 | 15/06/2016 | 023666799 Công an thành phố Hồ Chí Minh |
| 23 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 166 | 480.4 | 340.8 | ONT+HNK | ông Lê Huy Toàn | 59/10 Đĩnh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). | DM 691838 | 7/11/2023 | 079204015622 22/12/2021 |
| 24 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 244 | 386.8 | 7.2 | ONT+CLN | bà Trần Thụy Ngọc Thanh | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 25 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 21 | 48 | 13 | 2216 | 380.7 | ONT+CLN | ông Phạm Văn Sinh và bà Phạm Thị Huệ | 128/3 ấp Lộc Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | BL525145 | 20/03/2013 | |
| 26 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 21 | 48 | 14 | 1889.8 | 462.3 | ONT+CLN | ông Bạch Ngọc Lý và bà Võ Thị Thân | Áp Lộc Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | BO077375 | 14/08/2013 | |
| 27 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 21 | 48 | 16 | 223.3 | 223.3 | ONT+CLN | chủ sử dụng đất | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 28 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 21 | 48 | 64 | 395.1 | 395.1 | HNK | ông Huỳnh Văn Hưng | Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CO148889 | 28/06/2018 | CMND số 212120939, 25/02/2013 |
| 29 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 21 | 48 | 105 | 243.3 | 194.8 | CLN | chủ sử dụng đất | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 30 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 24 | 51 | 70 | 975.2 | 600 | CLN | bà Nguyễn Thị Ngọc Trang | 483 Bà Hạt, phường 08, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). | BL654043 | 8/10/2012 | 075187000489 18/9/2018 |
| 31 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 24 | 51 | 89 | 3118.4 | 1270.6 | CLN | ông Nguyễn Xuân Hải và bà Nguyễn Thị Hào | 103/4/5 Quảng Đà, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | BL928213 | 2/8/2013 | |
| 32 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 23 | 50 | 185 | 13254 | 8027.7 | CLN | ông Nguyễn Văn Thuận và bà Nguyễn Thị Thanh Hằng | Áp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | CU157371 | 25/12/2019 | |
| 33 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 27 | 54 | 6 | 11191.8 | 7237.5 | CLN | bà Hồ Thị Mai Duyên | 51/51 đường 10, KP4, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). | BO002404 | 14/01/2014 | 079168033215 03/3/2023 |
| 34 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 27 | 54 | 244 | 1000 | 15.6 | CLN | ông Nguyễn Bá Chính | Áp Phương Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (cũ). | DA719104 | 17/12/2020 | 75065000475 |
| 35 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 27 | 54 | 245 | 1000 | 49.6 | CLN | ông Nguyễn Bá Chính | Áp Phương Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (cũ). | DA719111 | 17/12/2020 | 75065000475 |
| 36 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 27 | 54 | 249 | 1000 | 179.2 | CLN | ông Nguyễn Bá Duy | Áp Thanh Thọ, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (cũ). | DA719108 | 17/12/2020 | 271538254 |
| 37 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 29 | 56 | 173 | 1000 | 171.2 | CLN | bà Nguyễn Thị My | Tổ 19, ấp Vườn Dừa, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (cũ). | CQ762187 | 30/01/2019 | 272844165 |
| 38 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 29 | 56 | 115 | 541.6 | 82.3 | HNK | chủ sử dụng đất | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 39 | Xã Hưng Thịnh (Trung Hòa cũ) | 20 | 20 | 317 | 4339.5 | 1154 | HNK | chủ sử dụng đất | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 40 | Xã Hưng Thịnh (Trung Hòa cũ) | 22 | 22 | 12 | 5742.5 | 2689.4 | HNK | chủ sử dụng đất | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 41 | Xã Hưng Thịnh (Trung Hòa cũ) | 22 | 22 | 74 | 81 | 81 | CLN | bà Hà Công Lang | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 42 | Xã Hưng Thịnh (Trung Hòa cũ) | 22 | 22 | 75 | 86.6 | 21.6 | CLN | bà Hà Công Lang | Xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai. | -- | -- | |
| 43 | Xã Hưng Thịnh (Trung Hòa cũ) | 22 | 22 | 147 | 1078.2 | 32.8 | CLN | ông Võ Đức Hiếu | 101 Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). | DD004596 | 25/01/2022 | 40082008773 |
| 44 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 18 | 45 | 72, 73 | | | | Tài sản trên đất chưa xác định chủ: - Mộ vô danh: 06 mộ - Mộ Phạm Thị Lợi, SN 1934 - Mộ Nguyễn Khờ, SN 1977 - Mộ Phạm Tạo, SN 1966 | | | | |
| 45 | Xã Hưng Thịnh (Xã Tây Hòa cũ) | 29 | 56 | 72 | | | | Tài sản trên đất chưa xác định chủ: Miếu | | | | |